

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-PT
Ngày 13 tháng 5 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh;
Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1995 (có mặt);
HKTT: Thôn M, xã M, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.
Nơi đăng ký tạm trú: Thôn P, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1993 (có mặt).
Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị K trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy H kết hôn năm 2016, việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh H ở thôn M. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Đến tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; hơn nữa, trong cuộc sống, anh H là người gia trưởng, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến, anh thường xuyên đánh, chửi chị.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có hạnh phúc, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy H1, sinh ngày 23/7/2016 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/5/2018. Hiện nay, cả hai cháu đều đang do anh H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Tài sản chung, công sức, công nợ: Không có, chị không yêu cầu gì.

Bị đơn anh Nguyễn Duy H xác nhận phần kết hôn, thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và con chung như chị K khai và trình bày: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị K nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ bất chính, nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Nhưng sau đó hai bên đã dàn hòa, vợ chồng đã hòa thuận với nhau và cùng đi làm trong một công ty. Trong quá trình anh làm trong công ty, anh đã phát hiện chị K có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh yêu cầu chị K xin lỗi, nhưng chị K không nghe, do bức tức anh đã đánh chị K, sau đó chị K bỏ đi. Chị K làm đơn yêu cầu ly hôn anh, anh cũng xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

Về con chung: Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai cháu, vì chị K không có đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ vợ chồng không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị K và anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị K trực tiếp nuôi con Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2018 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tiếp tục giao cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp nuôi con Nguyễn Duy H1, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị K và anh H tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, anh Nguyễn Duy H kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm giao con chung của vợ chồng là Nguyễn

Thanh T cho chị K nuôi dưỡng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử cho anh được nuôi cả hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Hiện nay chị đang làm tại khu công nghiệp Vsip thuộc xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập khoảng 8.000.000/tháng; chị thuê 01 nhà trọ 18m² tại xã P ở một mình.(chị giao nộp cho Hội đồng xét xử 01 hợp đồng lao động và 01 sổ đăng ký tạm trú). Nếu được nuôi cháu T, chị sẽ đón mẹ chị xuống để hỗ trợ chị chăm sóc cháu T. Về phía anh H, ngoài có 02 con chung với chị, anh H còn có 01 con chung với người vợ trước, hàng tháng anh vẫn phải cấp dưỡng nuôi con; anh H đi làm cả ngày, để một mình bố anh ở nhà chăm sóc các cháu sẽ không bảo đảm. Do vậy, chị đề nghị Tòa án xử cho chị được nuôi cháu T, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng chị K không có đủ điều kiện để nuôi con; chị K nay quan hệ yêu đương với người này, mai lại với người khác, nếu để chị K nuôi con sẽ không an toàn cho đứa trẻ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy H. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Nguyễn Duy H trong thời hạn luật định nên được Tòa án xem xét.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị K kết hôn với anh Nguyễn Duy H vào năm 2016, có tuân theo các nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị K đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị K. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị K với anh H. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy H1, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2016 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2018, cả hai cháu đều đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh H đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu; chị K đề nghị được nuôi dưỡng cháu T vì cho rằng cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và chị có đủ điều

kiện để nuôi dưỡng cháu. Hiện tại, chị đang làm tại công ty, mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng; chị có chỗ ở và có người hỗ trợ chị để đảm bảo việc nuôi cháu T. Cấp sơ thẩm nhận định cháu Nguyễn Thanh T mới 17 tháng tuổi, chị K có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con và quyết định giao cho chị K nuôi cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 2018; giao cho anh H nuôi cháu Nguyễn Duy H1, sinh năm 2016 là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và thực tiễn. Hiện tại, chị K vẫn có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi 01 con chung. Anh Nguyễn Duy H kháng cáo yêu cầu được nuôi cả hai con chung vì cho rằng anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung; chị K không đủ điều kiện để nuôi 01 con chung là không có cơ sở, quyết định của Bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên. Kháng cáo của anh Nguyễn Duy H không được chấp nhận.

[2.2] Về tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Duy H không được chấp nhận. Vì vậy, anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 18/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị K và anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị K trực tiếp nuôi con Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2018 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp nuôi con Nguyễn Duy H1, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị K và anh H tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị K đã nộp tại biên lai thu số: AA 2018/0000730 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Duy H phải chịu 300.000 đồng

án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh H đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0000770 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã M, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp